**1.Quy tắc viết hoa tên riêng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy tắc viết** | **Ví dụ** |
| **Tên riêng Việt Nam** | Viết hoa chữ cái đầu mỗi tiếng | Hoàng Quốc Việt, Hồ Chí Minh. Cửu Long |
| **Tên riêng nước ngoài** | Nếu phiên âm theo âm Hán Việt hoặc dịch nghĩa: Viết như tên người, tên địa lý Việt Nam | Triệu Tử Long. Hy Mã Lạp Sơn |
| Nếu phiên âm trực tiếp: Viết hoa chữ cái đầu mỗi bộ phận, giữa các tiếng trong một bộ phận có gạch nối | Via-đi-mia I-ich Lê-nin, Mô-da, Hi-ma-lay-a |

**2**.**Cấu tạo từ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiểu cấu tạo** | **Đặc điểm** | **Ví dụ** |
| **Từ đơn** | Từ chỉ có một tiếng | Cha, mẹ, bác, gì, đẹp, học |
| **Từ phức** | **Từ ghép** | Từ gồm nhiều tiếng có nghĩa | Cha mẹ, học tập, xanh biếc |
| **Từ láy** | Từ gồm nhiều tiếng có âm đầu hoặc vần ( hoặc cả âm đầu và vần hoặc cả tiếng ) giống nhau | Long lanh, lung linh, khéo léo, đo đỏ, xinh xinh |

**3.Từ loại**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ loại** | **Đặc điểm** | **Ví dụ** |
| **Danh từ** | Chỉ sự vật ( người, vật, hiện tượng, khái niệm, đơn vị) | Học sinh, nhà, gió, thành phố, chùm, đạo đức |
| **Động từ** | Chỉ hoạt động , trạng thái của sự vật | Đi, học, xây dựng, yêu mến, chạy , nhảy |
| **Tính từ** | Chỉ đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động | Tốt, vuông, đỏ, xa xôi, lạnh lẽo |
| **Đại từ** | Để xưng hoa hay để thay thế danh từ, động từ, tính từ ( hoặc cụm danh từ, động từ, tính từ) cho khỏi lặp lại các từ ngữ ấy | -tôi, ta, chúng tôi, nó-Thế, vậy-Ai, gì, bao nhiêu |
| **Quan hệ từ** | Để nối các từ ngữ, các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc các câu ấy với nhau | -và, rồi, thì, nhưng, hay, hoặc….-Tuy…nên, nếu…thì, không những…mà còn |

**4**.**Nghĩa của từ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hiện tượng** | **Đặc điểm** | **Ví dụ** |
| **Từ đồng nghĩa** | Có nghĩa giống nhau (đồng nghĩa hoàn toàn) hoặc gần giống nhau ( đồng nghĩa không hoàn toàn) | * -Lợn/heo,máy báy/ phi cơ

-Mang, khiêng, vác |
| **Từ trái nghĩa** | Có nghĩa trái ngược nhau | Cao/ thấp, phải/trái |
| **Từ đồng âm** | Giống nhua về mặt ngữ âm, khác nhau về mặt ngữ nghĩa | (ngôi )sao, sao (thuốc) |
| **Từ nhiều nghĩa** | Có một nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. Các nghĩa này có mối liên hệ với nhau | Mũi (người) – mũi( thuyền) |

**5.Thành phần câu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thành phần câu** | **Đặc điểm** | **Ví dụ** |
| **Chủ ngữ** | -Thường là danh từ ( cụm danh từ) hoặc đại từ-Trả lời cho câu hỏi Ai? Cái gì ? Con gì | **Tất cả học sinh**// đã tập trung đông đủ |
| **Vị ngữ** | -Thường là động từ ( cụm động từ) hoặc tính từ ( cụm tính từ)-Trả lời cho câu hỏi Là gì ? Làm gì ? Như thế nào? | Bạn Hoa **// đang học bài** |
| **Trạng ngữ** | **TN chỉ nơi trốn** | -Thường mở đầu bằng các từ trên, dưới, trong, ngoài, trước, sau…-Trả lời cho câu hỏi Ở đâu ? | **Trước nhà,/** mấy câu hoa giấy// nở tưng bừng |
| **TN chỉ thời gian** | -Thường là từ ngữ chỉ thời gian như: Khi , lúc, hôm qua, sáng nay-Trả lời cho câu hỏi Bao giờ? Khi nào ? Lúc nào ? Tháng mấy? | **Hôm nay,/** lớp em// được đi tham quan |
| **TN chỉ nguyên nhân** | -Thường bắt đầu bằng những từ: Vì , do , nhờ, tại-Trả lời cho câu hỏi: Vì sao? Nhờ đâu? | **Vì mưa/,** em// không đi chơi được |
| **TN chỉ mục đích** | -Thường mở đầu bằng các từ: Để, nhằm, vì-Thường trả lời cho câu hỏi: Để làm gì? Nhằm mục đích gì ? Vì cái gì? | **Để hiểu biết,/** em/ cần tập trung nghe giảng |
| **TN chỉ phương tiện** | -Thường mở đầu bằng các từ: Với- Trả lời cho câu hỏi: Bằng cái gì ? Với cái gì? | **- Với óc quan sát và bàn tay khéo léo,/** người họa sĩ dân gian// đã vẽ lên bức tranh tuyệt đẹp. |

**6.Các kiểu câu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu chia theo cấu tạo** | **Câu đơn** | Câu chỉ do một cụm C-V tạo thành | -Chim/ hót véo von |
| **Câu ghép** | Câu do nhiều cum C-V ghép lại . Mỗi vế câu thường cấu tạo giống một câu đơn, thể hiện một ý có quan hệ với những vế khác | - Hễ con chó// đi chậm,// con khỉ// cấu hai tai con chó giật giật. |
| **Câu chia theo mục đích nói** | **Câu kể** | -Giới thiệu: | -Em là học sinh |
| -Kể, tả sự vật, sự việc | - Mưa đã ngớt-Chim sơn ca tấu lên một khúc nhạc êm |
| -Nêu ý kiến | -Lan học rất giỏi |
| **Câu hỏi** | Câu dùng để hỏi người khác( hoặc tự hỏi mình) về những điều chưa rõ | - Lan học thế nào? |
| **Câu cảm** | Câu dùng để bộc lộ cảm xúc  | - A! mẹ đã về |
| **Câu khiến** | Câu dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn | - Con nhớ mặc áo ấm |

**7.Dấu câu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dấu câu** | **Tác dụng** | **Ví dụ** |
| **Dấu chấm** | Đánh dấu chỗ kết thúc câu kể hoặc một số câu khiến | -Ngọc đang nhảy dây-Mời ngọc vào nhà chơi. |
| **Dấu chấm hỏi** | Đánh dấu chỗ kết thúc câu hỏi | -Ngọc đang nhảy dây à ? |
| **Dấu chấm than** | Đánh dấu chỗ kết thúc câu khiến, câu cảm. | -Ngọc vào nhà đi !-Ôi, Ngọc nhảu giỏi quá! |
| **Dấu hai chấm** | Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là lời nói củ nhân vật hoặc lời giải thích cho bộ phận đứng trước | -Lan reo lên: “Ôi, Ngọc nhảy giỏi quá!”- Mặt biển sáng hẳn ra: trăng đã llên |
| **Dấu phẩy** | Đánh dấu ranh giới giữa:-Trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ-Các bộ phận cùng chức vụ trong câu-Các vế trong câu ghép đẳng lập | -Đêm nay, trăng sáng quá !- Cờ, biểu ngữ, cổng chào mọc khắp nơi-Trời sáng, gà cất tiếng gáy |
| **Dấu ngoặc kép** | Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt | -Lan reo lên :” Ôi, Ngọc nhảy giỏi quá !”-Bầy ong đang xây tổ. Con nào con nấy hết sức tiến kiệm “vôi vữa”. |
| **Dấu gạch ngang** | Đánh dấu:-Lời nói trực tiếp của nhân vật-Bộ phận chú thích trong câu-Đánh dấu sự liệt kê | +Huệ nói:-Mời Ngọc vào nhà chơi+Hà Nội - Thủ đô thân yêu của chúng ta – đã được tặng danh hiệu Thành phố vì Hòa Bình+ Cuộc họp hôm nay có hai nội dung:-Tổng kết công tác tháng quan-Bàn về việc tổ chức kỉ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam 20-11 |

**8.Liên kết câu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Biện pháp liên kết** | **Ví dụ** |
| Lặp lại từ ngữ đã dùng ở câu trước (phép lặp) | Nhà tôi có một ***cây nhãn*** tơ. Vào cuối mùa xuân, nhìn ***cây nhãn*** thật thích |
| Thay thế từ nghữ đã dùng ở câu đứng trước bằng đại từ hoặc những từ ngữ đồng nghĩa ( phép thế) | ***Tấm*** đi qua một cái cầu. ***Cô*** vô ý đánh rơi một chiếc giày xuống nước |
| Nối các câu bằng quan hệ từ hoặc những từ có tác dụng kết nối ( phép nối) như thứ nhất, cuối cùng, ngoài ra, mặt khác, trái lại, đồng thời | -Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố lớn có thể bị tàn phá. ***Song*** nhân dân Việt Nam quyết không sợ-***Thứ nhất,*** chúng ta sẽ tổng kết công tác thông qua |